

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017  
đến ngày 30/06/2017



**MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	02 - 04
<b>2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ</b>	05 - 06
<b>3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10- 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 38

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0500578254 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 07 (bảy) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 24 tháng 03 năm 2017.

#### **2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Tạ Thị Nga	Thành viên
Ông Chu Ngọc Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Đạt	Thành viên
Ông Trịnh Đắc Hạnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Viết Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Nguyễn Việt Cường	Trưởng Ban kiểm soát (Đến ngày 28/04/2017)
Bà Bùi Thị Lệ Thúy	Trưởng Ban kiểm soát (Từ ngày 28/04/2017)
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

#### **3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Công ty có Công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Xóm Đoàn Kết, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc .**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

**Thay mặt Ban Tổng giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Việt Tùng**

Số: *MM* /2017/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần May Phú Thành**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần May Phú Thành được lập ngày 29 tháng 08 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Phú Thành tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số 5.6, trong kỳ Công ty cho một số cá nhân vay bằng tiền mặt.

**Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



**Trần Thị Nguyệt**

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0589-2015-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>223.701.024.362</b>	<b>202.660.104.622</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>1.058.589.666</b>	<b>7.274.226.571</b>
1. Tiền	111		1.058.589.666	7.274.226.571
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>92.362.065.301</b>	<b>80.745.613.874</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	36.204.331.695	38.121.585.976
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	45.038.459.734	33.912.896.566
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	12.390.000.000	6.370.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.6	1.609.208.866	3.208.604.624
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.5	(2.879.934.994)	(867.473.292)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>126.058.690.500</b>	<b>109.697.849.712</b>
1. Hàng tồn kho	141		126.156.765.484	109.742.605.712
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(98.074.984)	(44.756.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.221.678.895</b>	<b>4.942.414.465</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	453.265.585	454.501.051
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.758.428.035	4.477.928.140
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	9.985.275	9.985.274
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>113.391.266.772</b>	<b>118.321.250.713</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.148.723.486</b>	<b>65.879.254.602</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	60.780.190.730	65.506.172.058
- Nguyên giá	222		99.342.989.727	99.174.893.681
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.562.798.997)	(33.668.721.623)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	368.532.756	373.082.544
- Nguyên giá	228		475.200.000	475.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(106.667.244)	(102.117.456)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	5.8	<b>4.847.153.000</b>	<b>4.847.153.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.847.153.000	4.847.153.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.4	<b>36.620.000.000</b>	<b>33.420.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.200.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.420.000.000	33.420.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.775.390.286</b>	<b>14.174.843.111</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	6.900.390.286	10.049.843.111
2. Lợi thế thương mại	269		3.875.000.000	4.125.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>337.092.291.134</b>	<b>320.981.355.335</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ( Tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017Mẫu số B01a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>162.590.008.431</b>	<b>146.102.600.531</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>137.161.142.571</b>	<b>122.653.995.351</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	18.669.174.218	14.478.514.714
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	5.328.859.107	3.693.641.512
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	2.961.879.117	3.520.383.522
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	505.000.000	200.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	326.349.269	166.569.859
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	108.388.602.931	100.013.607.815
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	581.277.929
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.428.865.860</b>	<b>23.448.605.180</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	25.428.865.860	23.448.605.180
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174.502.282.703</b>	<b>174.878.754.804</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>174.502.282.703</b>	<b>174.878.754.804</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		7.192.326.795	7.744.872.515
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.679.272.515	3.779.740.264
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.513.054.280	3.965.132.251
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.627.400.050	10.451.326.431
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>337.092.291.134</b>	<b>320.981.355.335</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Nông Kim Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nông Kim Nhân



Nguyễn Việt Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	74.465.175.097	50.112.889.570
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	87.274
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>74.465.175.097</b>	<b>50.112.802.296</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	57.674.870.103	38.179.514.311
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.790.304.994</b>	<b>11.933.287.985</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	761.745.613	1.069.407.414
7. Chi phí tài chính	22	6.5	5.052.041.150	3.909.390.955
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.005.975.114	3.881.029.934
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	996.950.173	776.719.538
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	4.353.612.226	3.254.422.595
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.149.447.058</b>	<b>5.062.162.311</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	249.481.790	55.984.106
12. Chi phí khác	32	6.7	1.190.941.074	236.909.564
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(941.459.284)</b>	<b>(180.925.458)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6.207.987.774</b>	<b>4.881.236.853</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.518.859.875	1.021.990.724
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>4.689.127.899</b>	<b>3.859.246.129</b>
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		4.513.054.280	3.674.478.559
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		176.073.619	184.767.571
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		302	383

NGƯỜI LẬP



Nông Kim Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Viết Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6.207.987.774</b>	<b>4.881.236.853</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.890.518.997	4.112.680.430
- Các khoản dự phòng	03	2.065.780.686	537.226.399
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	30.160.696	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	685.518.881	531.070.735
- Chi phí lãi vay	06	5.005.975.114	3.881.029.934
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>18.885.942.148</b>	<b>13.943.244.351</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.311.809.395)	(12.804.695.396)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(16.414.159.772)	(15.162.833.573)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.802.598.306	3.672.922.314
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.150.688.291	104.890.559
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.005.975.114)	(2.712.640.506)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.310.000.000)	(569.261.807)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.202.715.536)</b>	<b>(13.528.374.058)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(168.096.046)	(5.361.256.556)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(20.390.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.980.000.000	16.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.200.000.000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	685.518.881	531.070.735
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.702.577.165)</b>	<b>(8.720.185.821)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B03-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	113.632.519.260	90.247.803.272
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(103.277.263.464)	(71.578.416.013)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.665.600.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>5.689.655.796</b>	<b>18.669.387.259</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(6.215.636.905)</b>	<b>(3.579.172.620)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>7.274.226.571</b>	<b>7.327.702.168</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.058.589.666</b>	<b>3.748.529.548</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân



Nguyễn Việt Tùng

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần May Phú Thành là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 07 (bảy) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 24 tháng 3 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 155.520.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

##### Công ty con: Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng

Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500446466 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 05 (năm) ngày 06 tháng 12 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Theo Giấy đăng ký kinh doanh tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	87,5%	87,5%

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần May Phú Thành bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và công ty con là Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vĩnh Hưng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

#### **Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Báo cáo hợp nhất của Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

### **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

#### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

**4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

**4.6.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
-------------------------------	--------



#### **4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

#### **4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

***Chi tiết chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:***

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con,

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**4.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

**4.10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

**4.12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

#### 4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

#### 4.16. Thuế

##### **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và bán trong nước nên thuế suất thuế GTGT đối với các hoạt động của Công ty là 0% và 10%.

##### **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### 4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### 4.18. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN/HN

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	325.470.194	2.712.822.940
Tiền gửi ngân hàng	733.119.472	4.561.403.631
- Tiền gửi ngân hàng VND	718.004.079	4.540.548.346
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	281.085.172	1.211.662.228
NH TNHH Indovina	5.841.459	45.026.794
NH TMCP Quân đội		2.874.898
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội		2.567.119
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	1.913.051	38.654.744
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	409.454.576	3.177.491.131
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.004.102	1.001.821
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	6.567.353	6.567.353
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.509.023	15.743.598
NH VP bank	4.593.640	502.788
NHTMCP Quốc dân - CN Hà Nội	3.021.197	3.547.568
NH NN và PTNT Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội	1.014.506	34.908.304
- Tiền gửi ngân hàng USD	15.115.393	20.855.285
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	8.609.448	8.609.448
NH TNHH Indovina	654.921	1.627.345
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	908.912	908.912
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	1.849.235	-
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	-	6.675.778
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	3.092.877	3.033.802
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.058.589.666</b>	<b>7.274.226.571</b>
<b>5.2 Phải thu khách hàng</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2016</b>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	36.204.331.695	38.121.585.976
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	17.992.882.464	20.858.882.101
Công ty CP Đầu tư K&G Việt Nam	7.455.170.412	5.203.356.996
Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam	4.216.758.432	6.923.508.914
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Quang Minh	2.785.173.856	2.955.173.856
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	3.535.779.764	5.776.842.335
Phải thu khách hàng khác	18.211.449.231	17.262.703.875
<b>Cộng</b>	<b>36.204.331.695</b>	<b>38.121.585.976</b>
b) Phải thu khách hàng dài hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	3.535.779.764	5.776.842.335
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng		
<b>Cộng</b>	<b>3.535.779.764</b>	<b>5.776.842.335</b>
<b>5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Công ty Cổ phần phụ liệu may mặc VTC	19.977.725.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Lữ hành Quốc tế Đại Minh	10.000.000.000	10.000.000.000
Các công ty khác	15.060.734.734	13.912.896.566
<b>Cộng</b>	<b>45.038.459.734</b>	<b>33.912.896.566</b>
Trả trước người bán là bên liên quan	2.093.259.300	1.043.259.300
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng		
<b>Cộng</b>	<b>2.093.259.300</b>	<b>1.043.259.300</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Ký tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a-DN/HN

**5.4. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.200.000.000	(*)			Dự phòng
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam- tỷ lệ sở hữu 48%	3.200.000.000	(*)			
Đầu tư vào công ty khác	36.620.000.000	(*)	33.420.000.000	(*)	
Công ty CP Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 15%	30.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)	
Công ty CP Dệt may Supertex- tỷ lệ sở hữu 19%	3.420.000.000	(*)	3.420.000.000	(*)	
<b>Cộng</b>	<b>36.620.000.000</b>	<b>(*)</b>	<b>33.420.000.000</b>	<b>(*)</b>	

(\*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.1.iv- Giá trị hợp lý

**5.5. Nợ xấu**

Đối tượng	Thời gian quá hạn	30/06/2017		01/01/2017	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Ecogarden Việt Nam	Trên 03 năm	139.520.200	-	139.520.200	97.664.140
KURONOYA CO.,LTD	Từ 06 tháng đến 01 năm	27.385.950	19.170.165	27.385.950	27.385.950
Công ty TNHH SX và TM Phúc Quang Minh	Từ 06 tháng đến 01 năm	163.538.561	114.476.993	163.538.561	163.538.561
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & Dịch vụ Royal	Từ 01 đến 02 năm	20.536.500	10.268.250	20.536.500	20.536.500
Chiboi construction Hd division of Chiboy Group	Từ 01 đến 02 năm	47.187.000	23.593.500	47.187.000	47.187.000
Công ty TNHH Liên Doanh Sommet Paris Han's (HongKong)Holding Co.,Ltd	Từ 01 đến 02 năm	99.880.000	49.940.000	99.880.000	99.880.000
Công ty CP Đầu tư & Phát triển D&G Việt Nam	Từ 01 đến 02 năm	1.078.173.379	529.600.692	1.078.173.379	1.078.173.379
Cho Jung Taik	Từ 01 đến 02 năm	227.821.200	113.910.600	227.821.200	227.821.200
Công ty Cổ phần Hadovina	Trên 03 năm	1.138.923.264	-	1.138.923.264	569.461.632
Hana Global INC	Trên 03 năm	512.311.200	-	512.311.200	256.155.600
Shinhwa P&F Co., ltd	Trên 03 năm	142.541.490	-	142.541.490	142.541.490
<b>Cộng</b>	Trên 03 năm	<b>143.076.450</b>	<b>-</b>	<b>143.076.450</b>	<b>143.076.450</b>
		<b>3.740.895.194</b>	<b>860.960.200</b>	<b>3.740.895.194</b>	<b>2.873.421.902</b>
					<b>867.473.292</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.6 Phải thu khác và phải thu về cho vay**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>13.999.208.866</b>	-	<b>9.578.604.624</b>	-
Phải thu khác	1.609.208.866	-	3.208.604.624	-
- Tạm ứng	585.578.498	-	1.920.214.890	-
Tạm ứng là bên liên quan	253.020.418		329.009.418	
Ông Nguyễn Việt Tùng	181.949.610		181.949.610	
Bà Tạ Thị Nga	71.070.808		147.059.808	
Các cá nhân khác	332.558.080		1.591.205.472	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký	834.568.963		740.008.623	
- Phải thu khác	189.061.405		548.381.111	
- Cho vay (i)	12.390.000.000		6.370.000.000	
Bà Nguyễn Thị Hòa	-		2.000.000.000	
Bà Ngô Thị Xuyên	-		2.180.000.000	
Bà Trần Thị Thanh Hà	890.000.000		2.190.000.000	
Ông Nguyễn Việt Phúc	1.400.000.000			
Tạ Tương Nguyên	1.200.000.000			
Tạ Văn Lộc	2.900.000.000			
Nguyễn Văn Quang	1.600.000.000			
Nguyễn Thị Hòa	1.500.000.000			
Trịnh Đắc Đạo	1.300.000.000			
Nguyễn Thị Giáp	1.600.000.000			
Cho vay là bên liên quan	1.400.000.000			
Ông Nguyễn Việt Phúc	1.400.000.000			
<b>b) Dài hạn</b>	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>13.999.208.866</b>	<b>-</b>	<b>9.578.604.624</b>	<b>-</b>

(i) Trong kỳ Công ty con có phát sinh giao dịch cho vay cá nhân bằng tiền mặt cụ thể như sau:

Đối tượng	ngày tháng	Số hợp đồng	Số tiền	Thời hạn cho vay	Lãi suất
Nguyễn Việt Phúc	04/01/2017	HĐCV/PVH-CN số 01/2017	1.400.000.000	12 tháng	11%/ năm
Nguyễn Thị Hòa	10/01/2017	HĐCV/PVH-CN số 02/2017	1.500.000.000	12 tháng	11%/ năm
Tạ Tương Nguyên	13/01/2017	HĐCV/PVH-CN số 03/2017	1.200.000.000	12 tháng	11%/ năm
Trần Thị Thanh Hà	18/02/2017	HĐCV/PVH-CN số 04/2017	1.500.000.000	12 tháng	11%/ năm
Tạ Văn Lộc	23/06/2017	HĐCV/PVH-CN số 05/2017	1.400.000.000	12 tháng	11%/ năm
Trịnh Đắc Đạo	23/02/2017	HĐCV/PVH-CN số 06/2017	1.300.000.000	12 tháng	11%/ năm
Nguyễn Văn Quang	24/02/2017	HĐCV/PVH-CN số 07/2017	1.600.000.000	12 tháng	11%/ năm
Nguyễn Thị Giáp	28/02/2017	HĐCV/PVH-CN số 08/2017	1.600.000.000	12 tháng	11%/ năm
Tạ Văn Lộc	23/06/2017	HĐCV/PVH-CN số 09/2017	1.500.000.000	12 tháng	11%/ năm

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	61.509.536.243		73.605.606.690	
Công cụ, dụng cụ	1.047.514.101		761.512.360	
Chi phí SXKD dở dang	183.969.229		250.071.631	
Thành phẩm nhập kho	44.290.937.782	(98.074.984)	24.958.619.430	(44.756.000)
Hàng hóa	19.124.808.129		10.166.795.601	
<b>Cộng</b>	<b>126.156.765.484</b>	<b>(98.074.984)</b>	<b>109.742.605.712</b>	<b>(44.756.000)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	4.847.153.000		4.847.153.000	
- Xây dựng văn phòng	4.847.153.000		4.847.153.000	
<b>Cộng</b>	<b>4.847.153.000</b>		<b>4.847.153.000</b>	

**5.9 Tài sản khác**

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	453.265.585	454.501.051
Chi phí mua bảo hiểm	131.475.084	55.534.388
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	321.790.501	398.966.663
b) Dài hạn	6.900.390.286	10.049.843.111
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	715.461.750	968.914.575
Chi phí thuê, sửa chữa văn phòng	6.184.928.536	9.080.928.536
c) Lợi thế thương mại	3.875.000.000	4.125.000.000
Giá trị lợi thế thương mại từ việc mua công ty con	3.875.000.000	4.125.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.228.655.871</b>	<b>14.629.344.162</b>

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền phát hành	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền sáng chế	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm		475.200.000		475.200.000
Tăng trong kỳ		-		-
Giảm trong kỳ		-		-
Số dư cuối kỳ		475.200.000		475.200.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm		102.117.456		102.117.456
Tăng trong kỳ		4.549.788		4.549.788
- Số khấu hao trong kỳ		4.549.788		4.549.788
Giảm trong kỳ		-		-
Số dư cuối kỳ		106.667.244		106.667.244
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Tại ngày đầu năm		373.082.544		373.082.544
2. Tại ngày cuối kỳ		368.532.756		368.532.756

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

Mẫu số B09a/HN-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quân lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	13.026.912.997	79.955.127.502	4.491.058.182	1.701.795.000	99.174.893.681
Tăng trong kỳ	440.490.000	168.096.046		42.000.000	650.586.046
- Mua trong kỳ		168.096.046			168.096.046
- Tặng khác	440.490.000	(482.490.000)		42.000.000	482.490.000
Giảm trong kỳ		(482.490.000)			(482.490.000)
- Giảm khác		(482.490.000)			(482.490.000)
Số dư cuối kỳ	13.467.402.997	79.640.733.548	4.491.058.182	1.743.795.000	99.342.989.727
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	4.444.125.106	27.805.359.564	489.361.684	929.875.269	33.668.721.623
Tăng trong kỳ	787.963.891	3.788.249.588	265.092.186	212.049.337	5.053.355.002
- Số khấu hao trong kỳ	646.857.096	3.780.141.423	265.092.186	193.878.504	4.885.969.209
- Tặng khác	141.106.795	8.108.165		18.170.833	167.385.793
Giảm trong kỳ		(159.277.628)			(159.277.628)
- Giảm khác		(159.277.628)			(159.277.628)
Số dư cuối kỳ	5.232.088.997	31.434.331.524	754.453.870	1.141.924.606	38.562.798.997
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	8.582.787.891	52.149.767.938	4.001.696.498	771.919.731	65.506.172.058
2. Tại ngày cuối kỳ	8.235.314.000	48.206.402.024	3.736.604.312	601.870.394	60.780.190.730

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND  
 Nguyên giá tài sản cố định đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả là 23.461.506.011 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>108.388.602.931</b>	<b>108.388.602.931</b>	<b>108.127.695.640</b>	<b>99.752.700.524</b>	<b>100.013.607.815</b>	
Vay ngân hàng	108.388.602.931	108.388.602.931	108.127.695.640	99.752.700.524	100.013.607.815	100.013.607.815	
NH TNHH Indovina, CN Mỹ Đình (1)	15.131.818.867	15.131.818.867	15.131.818.867	7.978.365.400	7.978.365.400	7.978.365.400	
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN Đông Đô (2)	2.945.626.000	2.945.626.000	3.036.626.000	91.000.000	-	-	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Quang Minh (3)	17.996.290.392	17.996.290.392	18.006.290.392	19.230.765.211	19.220.765.211	19.220.765.211	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Hà Tây (4)	34.027.152.750	34.027.152.750	34.057.871.123	34.375.561.194	34.344.842.821	34.344.842.821	
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN Ngô Quyền	-	-	-	333.400.000	333.400.000	333.400.000	
NH NN và PTNT Việt Nam, chi nhánh Hà Tây (5)	18.304.932.886	18.304.932.886	17.912.307.222	15.105.006.557	15.497.632.221	15.497.632.221	
NH TMCP Quân Đội	-	-	-	2.722.099.628	2.722.099.628	2.722.099.628	
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Hà Tây (6)	19.982.782.036	19.982.782.036	19.982.782.036	19.916.502.534	19.916.502.534	19.916.502.534	
Vay các đối tượng khác	25.428.865.860	25.428.865.860	5.504.823.620	3.524.562.940	23.448.605.180	23.448.605.180	
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>13.845.077.813</b>	<b>13.845.077.813</b>	<b>5.504.823.620</b>	<b>1.975.972.940</b>	<b>10.316.227.133</b>	<b>10.316.227.133</b>	
NH TNHH Indovina, CN Mỹ Đình (7)	2.753.713.500	2.753.713.500	-	848.590.000	3.602.303.500	3.602.303.500	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Hà Tây (8)	1.530.074.547	1.530.074.547	-	700.000.000	2.230.074.547	2.230.074.547	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Quang Minh (9)	7.300.000.000	7.300.000.000	-	-	7.300.000.000	7.300.000.000	
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Hà Tây (10)	133.817.468.791	133.817.468.791	113.632.519.260	103.277.263.464	123.462.212.995	123.462.212.995	
<b>Cộng</b>	<b>133.817.468.791</b>	<b>133.817.468.791</b>	<b>113.632.519.260</b>	<b>103.277.263.464</b>	<b>123.462.212.995</b>	<b>123.462.212.995</b>	

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 074/IVBMD-HĐHM/2017 ngày 05 tháng 05 năm 2017 ký với Ngân hàng TNHH Indovina, chi nhánh Mỹ Đình với hạn mức tín dụng tối đa 700.000 USD, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 07 tháng 05 năm 2018, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất được ấn định là 4,5%/ năm đối với USD và 10%/ năm đối với VNĐ và lãi suất này sẽ được xem xét điều chỉnh hàng tháng căn cứ vào tình hình thị trường tiền tệ tại thời điểm điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng.
- (2) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 220517-2628713-01-SME ngày 31 tháng 5 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Chi nhánh Đông Đô, hạn mức tín dụng 3 tỷ đồng, thời hạn vay đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2018, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/6700554/HĐTD ngày 19 tháng 06 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng là 18 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
- (4) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/178257/HĐTD ngày 01 tháng 02 năm 2016 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây với hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/06/2017, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201600.27.8 ngày 21 tháng 11 năm 2016 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản cho vay không có bảo đảm bằng tài sản.
- (6) Hợp đồng số 55/CTD/KHDN/VCBHT-MPT ngày 18 tháng 07 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tây, hạn mức tín dụng là 20 tỷ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đứng tên hộ ông Tạ Duy Lư và 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 66/HM/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 04 tháng 08 năm 2016 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, mục đích sử dụng là bổ sung vốn lưu động. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Duy Lư, 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, 01 bất động sản tại xóm Thống Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà Nội đứng tên hộ ông Tạ Duy Khánh.
- (7) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 069/IVBMD-HĐTD/2017 ngày 18 tháng 04 tháng 2017, số tiền vay là 8 tỷ đồng, thời hạn vay 10 năm, mục đích vay đầu tư xây dựng nhà xưởng mới tại cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội, lãi suất 10,5%/năm.
- (7) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 005/IVBMD-HĐTD/2013 ngày 02 tháng 01 tháng 2013, hạn mức tín dụng là 307.370 USD, thời hạn vay 5 năm, mục đích vay là để nhập khẩu máy móc, thiết bị.
- (7) Vay ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng số 018/IVBMD-HĐHM/2015 ngày 09 tháng 03 năm 2015, hạn mức tín dụng 554.342 USD, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 4,75%/năm.
- (8) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD ngày 05 tháng 5 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tây; hạn mức tín dụng 3,7 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11% đến hết 30/06/2016 và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý; mục đích vay thanh toán tiền mua 5 máy dệt quần sịp mới.
- (9) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTD ngày 09 tháng 08 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay đầu tư 26 máy dệt quần sịp, tài sản đảm bảo là 26 máy dệt quần sịp.
- (10) Hợp đồng tín dụng số 80/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 07 tháng 09 năm 2016 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hà Tây và Công ty Cổ phần May Phú Thành, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 84 tháng, mục đích sử dụng là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư máy dệt kim và phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.13 Phải trả người bán**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.669.174.218	18.669.174.218	14.478.514.714	14.478.514.714
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	2.442.000.000	2.442.000.000	-	-
Fengjiatex (HK) Co., Ltd	7.240.730.134	7.240.730.134	6.156.667.564	6.156.667.564
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bốn Mùa	1.838.175.900	1.838.175.900	836.236.500	836.236.500
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	2.442.000.000	2.442.000.000	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	16.227.174.218	16.227.174.218	14.478.514.714	14.478.514.714
<b>Cộng</b>	<b>18.669.174.218</b>	<b>18.669.174.218</b>	<b>14.478.514.714</b>	<b>14.478.514.714</b>
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty TNHH Vincom Mega Mall Times City	75.567.075	75.567.075	75.567.075	75.567.075
Công ty CP Delex Việt Nam	-	-	469.200.000	469.200.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>425.567.075</b>	<b>425.567.075</b>	<b>894.767.075</b>	<b>894.767.075</b>
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	830.382.643	830.382.643	-	-
<b>Cộng</b>	<b>830.382.643</b>	<b>830.382.643</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Đầu tư Amy Việt Nam	-	113.602.440
Công ty TNHH Nam Việt	638.738.452	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	868.000.000	868.000.000
Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc VTC	264.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại H&P Việt Nam	396.278.486	-
Công ty TNHH Malis Việt Nam	537.626.660	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phương Mai	267.374.971	-
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	500.000.000	-
Công ty TNHH TM XD Hoàng Yến	-	1.778.403.474
Các công ty khác	1.856.840.538	933.635.598
<b>Cộng</b>	<b>5.328.859.107</b>	<b>3.693.641.512</b>
Người mua trả tiền trước là bên liên quan		
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
- Thuế GTGT	-	1.452.363.110	1.452.363.110	-
- Thuế TNDN	3.245.073.552	1.518.859.875	2.310.000.000	2.453.933.427
- Thuế TNCN	-	232.635.720	-	232.635.720
- Các loại thuế khác	-	33.279.741	33.279.741	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	275.309.970	574.922.631	574.922.631	275.309.970
<b>Cộng</b>	<b>3.520.383.522</b>	<b>3.812.061.077</b>	<b>4.370.565.482</b>	<b>2.961.879.117</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Tiếp theo)**

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
- Thuế GTGT nộp thừa	9.985.275	-	-	9.985.275
<b>Cộng</b>	<b>9.985.275</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.985.275</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.16 Chi phí phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	505.000.000	200.000.000
<i>Chi phí kiểm toán</i>	275.000.000	200.000.000
- Các khoản trích trước khác	230.000.000	-
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>505.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

**5.17 Phải trả khác**

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	326.349.269	166.569.859
- Bảo hiểm xã hội	305.744.034	57.583.460
- Bảo hiểm y tế	14.292.137	26.743.466
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.313.098	10.649.733
<b>Cộng</b>	<b>326.349.269</b>	<b>166.569.859</b>
b) Dài hạn		

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

Mẫu số B09a-DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.18 . Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	96.000.000.000				10.211.284.131	15.299.740.265	121.511.024.396
Tăng vốn năm trước	59.520.000.000						59.520.000.000
Lãi trong năm trước				1.162.555.858	240.042.300	5.819.667.609	5.819.667.609
Tăng khác				1.162.555.858	-		1.402.598.158
<i>Trích lập các quỹ</i>							1.162.555.858
Giảm khác						(13.374.535.359)	(13.374.535.359)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>155.520.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.162.555.858</b>	<b>10.451.326.431</b>	<b>7.744.872.515</b>	<b>174.878.754.804</b>
Lãi trong kỳ						4.513.054.280	4.513.054.280
Tăng khác					176.073.619		176.073.619
Giảm khác (*)						(5.065.600.000)	(5.065.600.000)
<i>Trích lập các quỹ</i>						(400.000.000)	(400.000.000)
<i>Chia cổ tức</i>						(4.665.600.000)	(4.665.600.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>155.520.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.162.555.858</b>	<b>10.627.400.050</b>	<b>7.192.326.795</b>	<b>174.502.282.703</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 2804/NQ-DHĐCĐ-MPT ngày 28 tháng 04 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2017/NQ-HĐQT-MPT ngày 02 tháng 5 năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	155.520.000.000	155.520.000.000
<b>Cộng</b>		<b>155.520.000.000</b>	<b>155.520.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	155.520.000.000	96.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	59.520.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	155.520.000.000	155.520.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.665.600.000	

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

**đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	4.689.127.899	3.674.478.559
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	15.552.000	9.600.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	<b>302</b>	<b>383</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2017	01/01/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	1.162.555.858	1.162.555.858

**5.19 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự giải trình, thuyết minh**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán, gia công quần áo, bít tất	47.659.837.011	39.519.511.790
- Doanh thu bán các loại sợi, vải	26.619.611.671	9.119.322.780
- Doanh thu bán hàng hóa khác	185.726.415	1.474.055.000
<b>Cộng</b>	<b>74.465.175.097</b>	<b>50.112.889.570</b>
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	4.785.777.640	2.204.880.000
<b>Cộng</b>	<b>4.785.777.640</b>	<b>2.204.880.000</b>

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Hàng bán bị trả lại	-	87.274
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>87.274</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
- Giá vốn bán, gia công quần áo	32.922.539.825	28.755.386.083
- Giá vốn bán các loại sợi	24.619.843.373	8.123.362.230
- Giá vốn bán hàng hóa khác	132.486.905	1.300.765.998
<b>Cộng</b>	<b>57.674.870.103</b>	<b>38.179.514.311</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	685.518.881	531.070.735
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	76.226.732	538.336.679
<b>Cộng</b>	<b>761.745.613</b>	<b>1.069.407.414</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lãi tiền vay	5.005.975.114	3.881.029.934
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.066.036	28.361.021
<b>Cộng</b>	<b>5.052.041.150</b>	<b>3.909.390.955</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Các khoản thu nhập khác	249.481.790	53.984.106
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>249.481.790</b>	<b>55.984.106</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**6.7 Chi phí khác**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
- Các khoản lãi nộp chậm	867.962.101	636.379
- Các khoản chi phí khác	322.978.973	236.273.185
<b>Cộng</b>	<b>1.190.941.074</b>	<b>236.909.564</b>

**6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ:</b>	<b>4.353.612.226</b>	<b>3.254.422.595</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	3.146.496.628	1.952.630.224
+ Chi phí nhân công quản lý	594.442.304	867.235.000
+ Chi phí trả trước, khấu hao	539.592.622	548.168.825
+ Dự phòng phải thu khó đòi	2.012.461.702	537.226.399
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.207.115.598	1.301.792.371
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>996.950.173</b>	<b>776.719.538</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	253.330.141	350.423.000
+ Chi phí nhân công	253.330.141	350.423.000
- Chi phí bán hàng khác	743.620.032	426.296.538
<b>Cộng</b>	<b>5.350.562.399</b>	<b>4.031.142.133</b>

**6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.207.987.774	4.881.236.853
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.386.311.602	228.716.767
Thu nhập chịu thuế	7.594.299.376	5.109.953.620
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.518.859.875</b>	<b>1.021.990.724</b>

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.661.499.119	28.242.354.678
Chi phí nhân công	6.924.569.587	5.269.947.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.890.518.997	4.117.230.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.012.452.322	4.588.833.612
Chi phí bằng tiền khác	4.535.479.574	1.843.238.675
<b>Cộng</b>	<b>66.024.519.599</b>	<b>44.061.604.183</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

<b>7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	Đơn vị tính: VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	113.632.519.260
<b>7.2 Số tiền thực tế trả gốc vay trong kỳ</b>	
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	103.277.263.464

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

## 8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

#### (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

### 8.1 Công cụ tài chính (tiếp)

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm trở lên</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.058.589.666		1.058.589.666
Phải thu khách hàng	36.204.331.695		36.204.331.695
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	36.620.000.000	36.620.000.000
Phải thu về cho vay	12.390.000.000		12.390.000.000
Phải thu khác	1.609.208.866	-	1.609.208.866
Tài sản tài chính khác	4.221.678.895	15.622.543.286	19.844.222.181
<b>Trừ</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.879.934.994)		(2.879.934.994)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.603.874.128</b>	<b>52.242.543.286</b>	<b>104.846.417.414</b>
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	108.388.602.931	25.428.865.860	133.817.468.791
Phải trả người bán	18.669.174.218		18.669.174.218
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	831.349.269		831.349.269
<b>Tổng cộng</b>	<b>127.057.777.149</b>		<b>127.057.777.149</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(74.453.903.021)</b>	<b>52.242.543.286</b>	<b>(22.211.359.735)</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.274.226.571		7.274.226.571
Phải thu khách hàng	38.121.585.976		38.121.585.976
Đầu tư góp vốn vào công ty khác	-	33.420.000.000	33.420.000.000
Phải thu về cho vay	6.370.000.000		6.370.000.000
Phải thu khác	3.208.604.624	-	3.208.604.624
Tài sản tài chính khác	4.942.414.465	19.021.996.111	23.964.410.576
<b>Trừ</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(867.473.292)		(867.473.292)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-		-
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.049.358.344</b>	<b>52.441.996.111</b>	<b>111.491.354.455</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	100.013.607.815	23.448.605.180	123.462.212.995
Phải trả người bán	14.478.514.714		14.478.514.714
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	366.569.859		366.569.859
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.858.692.388</b>	<b>23.448.605.180</b>	<b>138.307.297.568</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(55.809.334.044)</b>	<b>28.993.390.931</b>	<b>-26.815.943.113</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

## (iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Các khoản đầu tư vào công ty khác	36.620.000.000	33.420.000.000	(*)	(*)
Các khoản cho vay và phải thu	13.999.208.866	9.578.604.624	13.999.208.866	9.578.604.624
Phải thu khách hàng	36.204.331.695	38.121.585.976	33.324.396.701	37.254.112.684
Tài sản tài chính khác	19.844.222.181	23.964.410.576	19.844.222.181	23.964.410.576
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>1.058.589.666</i>	<i>7.274.226.571</i>	<i>1.058.589.666</i>	<i>7.274.226.571</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>107.726.352.408</b>	<b>112.358.827.747</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	133.817.468.791	123.462.212.995	133.817.468.791	123.462.212.995
Phải trả người bán	18.669.174.218	14.478.514.714	18.669.174.218	14.478.514.714
Phải trả khác	831.349.269	366.569.859	831.349.269	366.569.859
<b>Tổng cộng</b>	<b>153.317.992.278</b>	<b>138.307.297.568</b>	<b>153.317.992.278</b>	<b>138.307.297.568</b>

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 ngày ngày 01/01/2017. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**8.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: bán và gia công quần áo, bán các loại sợi và hạt nhựa. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Quần áo, bit tất	Sợi, vải các loại	Hàng hóa khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</b>				
Doanh thu	39.519.511.790	9.119.322.780	1.474.055.000	50.112.889.570
Các khoản giảm trừ	87.274	-	-	87.274
Giá vốn hàng bán	28.755.386.083	8.123.362.230	1.300.765.998	38.179.514.311
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>10.764.038.433</b>	<b>995.960.550</b>	<b>173.289.002</b>	<b>11.933.287.985</b>
<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017</b>				
Doanh thu	47.659.837.011	26.619.611.671	185.726.415	74.465.175.097
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	32.922.539.825	24.619.843.373	132.486.905	57.674.870.103
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>14.737.297.186</b>	<b>1.999.768.298</b>	<b>53.239.510</b>	<b>16.790.304.994</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Quần áo, bít tất</b>	<b>Sợi, vải các loại</b>	<b>Hàng hóa khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tài sản trực tiếp của bộ phận	132.678.864.019	74.105.579.428	517.038.482	207.301.481.929
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				129.790.809.205
<b>Tổng tài sản</b>				<b>337.092.291.134</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.359.426.139	8.578.752.781	59.854.404	23.998.033.325
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				138.591.975.106
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>162.590.008.431</b>
<b>01/01/2017</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	143.315.883.573	33.070.848.870	5.345.599.811	181.732.332.254
Tài sản không phân bổ theo bộ phận				139.249.023.081
<b>Tổng tài sản</b>				<b>320.981.355.335</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.330.739.025	3.306.888.899	534.528.302	18.172.156.226
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				127.930.444.305
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>146.102.600.531</b>

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ****8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán****8.6 Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình
Công ty CP Đầu tư NHP	Công ty đầu tư góp vốn
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	Công ty liên doanh, liên kết
Bà Tạ Thị Nga	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dệt may Supertex	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Nguyễn Viết Phúc	Thành viên chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình
Ông Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Giao dịch với các bên liên quan:

Ngoài thuyết minh các bên liên quan nêu trên, những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thu tiền bán hàng	7.505.417.975
	Mua hàng	1.939.946.643
	Trả tiền mua hàng	2.270.520.400
Công ty Cổ phần Dệt may Supertex	Bán hàng	5.420.392.670
	Thu tiền bán hàng	5.420.392.670
Bà Tạ Thị Nga	Hoàn ứng	75.989.000
Nguyễn Viết Tùng	Ủy thác quản lý vốn (vay ông Tùng)	2.650.000.000
	Trả tiền ủy thác quản lý vốn ( trả tiền vay ông Tùng)	2.650.000.000

b) Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Tổng giám đốc:

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
Lương thưởng của Ban Tổng giám đốc	157.373.077	213.775.024
Thù lao và thưởng của HĐQT	204.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>361.373.077</b>	<b>213.775.024</b>

**8.7 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

**8.8 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.9 Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP

Nông Kim Nhân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Viết Tùng